

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/DS-ST

Ngày 15 tháng 9 năm 2020

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Thanh Hoàng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hữu Nghị.

2. Bà H' Rôma Mlô.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa, chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Xuân M - có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Lê Thị N - vắng mặt

Địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 04/02/2020, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Xuân M trình bày:*

Vào ngày 15/01/2019, ông Trần Xuân M có cho bà Lê Thị N vay số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 15%/năm, thời hạn trả nợ vào ngày 05/02/2019. Bà Lê Thị N không cầm cố hay thế chấp tài sản gì cho ông Trần Xuân M khi vay tiền. Giữa ông Trần Xuân M và bà Lê Thị N có viết 01 giấy vay tiền đề ngày 15/01/2019 có chữ ký, chữ viết “Lê Thị N” trong giấy mượn tiền này. Vào ngày 15/01/2019, ông Trần Xuân M đã giao đủ số tiền 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) cho bà Lê Thị N.

Ông Trần Xuân M xác định bà Lê Thị N chưa có chồng nên ông chỉ yêu cầu một mình bà Lê Thị N ký xác nhận vào giấy vay tiền. Từ khi vay đến nay, bà Lê Thị N chưa trả được số tiền gốc và lãi nào cho ông Trần Xuân M. Ông Trần Xuân

M đã nhiều lần đến nhà bà Lê Thị N để yêu cầu trả tiền nhưng bà Lê Thị N không có mặt tại nơi cư trú.

Nay ông Trần Xuân M đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị N phải trả cho ông số tiền gốc đã vay 130.000.000 đồng, lãi phát sinh từ ngày 15/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 32.500.000 đồng. Tổng cộng là 162.500.000 (Một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Ông Trần Xuân M yêu cầu bà Lê Thị N phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn bà Lê Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc. Do vậy, Tòa án không thu thập được chứng cứ đối với bà Lê Thị N và không tiến hành hòa giải giữa các đương sự theo quy định của pháp luật được.

Quá trình giải quyết vụ án do bị đơn vắng mặt và nguyên đơn có yêu cầu trưng cầu giám định, nên Tòa án đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk giám định chữ ký, chữ viết “Lê Thị N” trong giấy vay tiền đề ngày 15/01/2019 do nguyên đơn cung cấp.

Tại kết luận giám định số 69/PC09 ngày 30/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Thị N dưới mục “Người vay” trong giấy vay tiền đề ngày 15/01/2019 (kí hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Thị N trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký và viết ra.

Phản tranh luận tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về Tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân M, xử: Buộc bà Lê Thị N phải trả cho bà ông Trần Xuân M số tiền gốc 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng), cùng lãi phát sinh theo mức 15 %/năm kể từ ngày 15/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 32.500.000 đồng. Buộc bà Lê Thị N phải chịu tiền lãi phát sinh của khoản vay sau ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí và chi phí tố tụng khác: Bà Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn

cung cấp thì đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà Lê Thị N có nơi cư trú tại thôn E, xã E, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Số tiền bị đơn vay của nguyên đơn: Ông Trần Xuân M cung cấp cho Tòa án một giấy vay tiền viết tay đề ngày 15/01/2019. Trong giấy vay tiền có chữ ký, chữ viết “Lê Thị N” dưới mục người vay tiền và thể hiện số tiền gốc đã vay là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng), thời hạn trả tiền vào ngày 05/02/2019, lãi suất thỏa thuận 15%/năm. Theo kết luận giám định số 69/PC09 ngày 30/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận thì xác định được bà Lê Thị N là người trực tiếp vay tiền của ông Trần Xuân M.

Bà Lê Thị N không trả tiền cho ông Trần Xuân M theo đúng cam kết trong giấy vay tiền là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Từ những phân tích ở trên, Hội đồng xét xử buộc bà Lê Thị N phải trả cho ông Trần Xuân M số tiền gốc 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) cùng lãi phát sinh là phù hợp.

[2.2] Về số tiền lãi phát sinh: Căn cứ vào giấy vay tiền đã lập giữa các bên có thể hiện lãi suất thỏa thuận là 15%/năm (1,25%/tháng) phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, phần ghi lãi suất không bị tẩy xóa hay viết thêm. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất mà ông Trần Xuân M yêu cầu và cần buộc bà Lê Thị N phải trả lãi phát sinh từ ngày 15/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 130.000.000 đồng x 1,25 %/tháng x 20 tháng = 32.500.000 đồng (Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Ông Trần Xuân M yêu cầu bà Lê Thị N phải tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm. Xét việc yêu cầu tính lãi trên của ông Trần Xuân M phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2.3] Về nghĩa vụ trả nợ: Bà Lê Thị N là người vay tiền của ông Trần Xuân M. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc bà Lê Thị N phải trả số tiền gốc 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) và lãi phát sinh là 32.500.000 đồng (Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho ông Trần Xuân M. Tổng số tiền bà Lê Thị N phải trả cho ông Trần Xuân M là 162.500.000 (Một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

[3] Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Tổng số tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.440.000 đồng (Năm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng). Do yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của nguyên đơn có căn cứ nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định chữ ký, chữ viết theo quy định tại khoản 2 Điều 161 Bộ luật dân sự. Ông Trần Xuân M được nhận lại số tiền 5.440.000 đồng (Năm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) sau khi thu được từ bà Lê Thị N.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân M được chấp nhận nên bà Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của

pháp luật, theo mức là $5\% \times 162.500.000 = 8.125.000$ đồng (Tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ông Trần Xuân M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 161; khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân M.

Buộc bà Lê Thị Nhung phải trả cho ông Trần Xuân M số tiền 162.500.000 (Một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó nợ gốc 130.000.000 đồng, lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm 32.500.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/9/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về chi phí giám định: Bà Lê Thị N phải chịu 5.440.000 đồng (Năm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền giám định chữ ký, chữ viết.

Ông Trần Xuân M được nhận lại số tiền 5.440.000 đồng (Năm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) sau khi thu được từ bà Lê Thị N.

Về án phí: Ông Trần Xuân M không phải chịu án dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 3.835.000 đồng (Ba triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn) tiền tạm ứng án phí mà ông Trần Xuân M đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0002873 ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Lê Thị N phải chịu 8.125.000 đồng (Tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Tạ Thanh Hoàng

